

Số: 19 /QĐ-MNHB

Hòa Cường, ngày 04 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường Mầm non Hoa Ban

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA BAN

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 01/07/2055 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường về việc thành lập trường Mầm non Hoa;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Hòa Cường Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng-an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ thông báo số 126/TB-PKHTHTĐT ngày 03/03/2026 về việc thẩm định Quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường Mầm non Hoa Ban;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán, .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trường Mầm non Hoa Ban (theo các biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 03 năm 2026.

Điều 3. Bộ phận văn phòng Trường Mầm non Hoa Ban và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KHTHTĐT phường Hòa Cường;
- Lưu: VT, KT



Lê Thị Thu Lan

Đơn vị: TRƯỜNG MN HOA BAN
Chương: 822

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 19/QĐ-MNHB ngày 04/03/2026 của Trường MN Hoa Ban)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số T T	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lượng	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	8.944.180.883	8.944.180.883	-	8.944.180.883	
A	Tổng số thu	8.944.180.883	8.944.180.883	-	8.944.180.883	-
1	Số thu phí, lệ phí		-			
1.1	Lệ phí		-			
1.2	Phí		-			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	8.944.180.883	8.944.180.883		8.944.180.883	-
1	Tiền xe đạp		-			
2	Tiền học phí		-			
3	Thu sự nghiệp khác	8.944.180.883	8.944.180.883			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	8.940.442.764	8.940.442.764	582.466.863	8.353.078.018	4.897.883
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại		-			
1	Tiền học phí		-			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	8.940.442.764	8.940.442.764	401.824.120	8.538.618.644	4.897.883
3	Hoạt động sự nghiệp khác		-			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-			
1.2	Chi quản lý hành chính		-			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		-			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		-			
3	Hoạt động sự nghiệp khác		-			
C	Số thu nộp NSNN	-	-			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN		-			
1.1	Lệ phí		-			
1.2	Phí		-			
	Tiền gửi xe đạp		-			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		-			
3	Hoạt động sự nghiệp khác		-			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	9.910.545.978	9.910.545.978	7.095.566.482	2.814.979.496	-
1	Chi quản lý hành chính	9.910.545.978	9.910.545.978	7.095.566.482	2.814.979.496	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.924.050.614	8.924.050.614	7.095.566.482	1.828.484.132	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	986.495.364	986.495.364	-	986.495.364	
2	Nghiên cứu khoa học					
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học					
2.1	công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.2	chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3	nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

KẾ TOÁN

[Handwritten signature]

Lê Thị Ánh



Ngày 04 tháng 3 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu Lan

Đơn vị: TRƯỜNG MN HOA BAN

Chương: 822

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 19/QĐ-MNHB ngày 04/03/2026 của Trường MN Hoa Ban)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.097.050.614
1	Chi quản lý hành chính	10.097.050.614
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.974.050.614
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.123.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (KP tăng lương cơ sở)	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

KẾ TOÁN



Lê Thị Ánh

Ngày 04 tháng 3 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu Lan

Số: 126 /TB-PKTHĐT

Hòa Cường, ngày 03 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO
Thẩm định quyết toán ngân sách
Trường Mầm non Hoa Ban năm 2025

Kính gửi: Trường Mầm non Hoa Ban

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của UBND quận Hải Châu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của UBND phường Hòa Cường về việc giao lại dự toán năm 2025 cho các trường công lập thuộc phường Hòa Cường;

Căn cứ báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính ngân sách năm 2025 của Trường Mầm non Hoa Ban, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường có ý kiến như sau:

I. SỐ LIỆU

1. Số liệu quyết toán năm 2025

a) Thu, chi hoạt động sự nghiệp (các hoạt động dịch vụ, hoạt động tài chính)

- Tổng thu	:	8.944.180.883 đồng
- Tổng chi	:	8.940.442.764 đồng
- Chênh lệch thu chi	:	3.738.119 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách

- Dự toán được sử dụng trong năm	:	10.097.050.614 đồng
- Kinh phí quyết toán	:	9.910.545.978 đồng
- Hủy dự toán	:	68.504.636 đồng
- Số dư kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:		118.000.000 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1b, 1c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không có.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

a) Thuyết minh kinh phí hủy	:	68.504.636 đồng
- KP mua sắm máy photocoppy	:	57.200.000 đồng
- KP sửa chữa nhỏ trường	:	9.704.636 đồng

- KP chính sách trẻ mầm non liên quan khu công nghiệp : 1.600.000 đồng
- b) Kinh phí chuyển nguồn : 118.000.000 đồng
- Kinh phí tự chủ : 50.000.000 đồng
- KP cấp sau ngày 30/9 (mua sắm tài sản) : 68.000.000 đồng

4. Nguồn CCTL thực hiện trong năm: Không có

II. NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, DỊCH VỤ

1. Kết quả hoạt động trong năm : 1.689.241.922 đồng
2. Điều chỉnh kết quả hoạt động do chi phí ghi nhận năm nay nhưng doanh thu đã ghi nhận năm trước: 507.580.809 đồng
3. Thặng dư/ thâm hụt trong năm : 2.196.822.731 đồng
- a) Các khoản phân phối vào quỹ thuộc đơn vị : 3.738.119 đồng
- b) Nguồn kinh phí mang sang năm sau : 50.000.000 đồng
- c) Thặng dư không phân phối/thâm hụt chuyển năm sau : 2.143.084.612 đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ tăng trong năm 2025 : 2.143.084.612 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1b đính kèm)

III. NHẬN XÉT

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thẩm tra dựa trên Báo cáo Quyết toán, Báo cáo Tài chính năm 2025 đơn vị cung cấp và số liệu quyết toán có xác nhận của Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII.

1. Về thời gian nộp báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính

Đơn vị nộp báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính đúng thời gian quy định theo Công văn số 3124/UBND-PKTHĐT ngày 31/12/2025 của UBND phường Hòa Cường về việc triển khai công tác khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán NSNN năm 2025.

2. Về biểu, mẫu báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính

Biểu mẫu báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính đúng theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính, số lượng biểu mẫu đầy đủ. Đơn vị có báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính.

3. Về số liệu báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính

Số liệu giữa các biểu khớp đúng với nhau và khớp đúng với số liệu đối chiếu của kho bạc.

4. Về quản lý, sử dụng tài sản công

a) Số liệu bảng cân đối và sổ theo dõi tài sản cố định khớp đúng với nhau. Tuy nhiên, còn một số tài sản tỉ lệ hao mòn chưa đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do Doanh nghiệp

quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp như: Máy giặt, máy điều hòa không khí, tivi.

b) Đơn vị đã thực hiện công khai về mua sắm, sửa chữa tài sản cố định theo Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Về các khoản thu

a) Đơn vị đã thực hiện thu các nội dung theo đúng Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của HĐND thành phố Đà Nẵng về việc quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường không kiểm tra đối chiếu mức thu.

b) Báo cáo quyết toán của đơn vị không phát sinh khoản thu vận động.

IV. KIẾN NGHỊ

Để việc chấp hành dự toán ngân sách và công tác quyết toán ngân sách hàng năm được đảm bảo theo đúng quy định, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đề nghị như sau:

1. Đối với trường Mầm non Hoa Ban

a) Thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Đối với nguồn tài trợ và vận động (nếu có):

- Căn cứ theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nếu đơn vị có phát sinh các khoản vận động và tài trợ (bằng tiền mặt hoặc hiện vật) từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đề nghị đơn vị phải tổng hợp kịp thời vào báo cáo quyết toán, thu chi tài chính và thực hiện công khai tài chính theo quy định.

c) Về quản lý, sử dụng tài sản công:

- Phản ánh tăng, giảm đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đối với tài sản đang quản lý, sử dụng vào báo cáo và sổ sách của đơn vị. Rà soát, đối chiếu, kiểm tra số liệu trên sổ sách, phần mềm quản lý tài sản và thực tế đang theo dõi tại đơn vị đảm bảo khớp đúng.

- Đối chiếu các tiêu chuẩn, định mức được trang bị, sử dụng tài sản tại đơn vị theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị và các quyết định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Giáo dục và đào tạo và thực hiện thanh lý các tài sản đã hư hỏng, không còn sử dụng được tại đơn vị.

- Đề nghị đơn vị tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công đúng mục đích, đúng quy định. Trường hợp có nhu cầu sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, đơn vị chủ động xây dựng phương án, báo cáo

cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. Đồng thời, thực hiện phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản thu, chi vào sổ sách kế toán theo quy định.

- Thực hiện điều chỉnh, phản ánh tỉ lệ hao mòn tài sản bảo đảm đúng quy định theo hướng dẫn tại Thông tư 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

d) Về hoạt động thu dịch vụ: đề nghị đơn vị tiếp tục thực hiện theo đúng quy định về danh mục các khoản thu, mức thu tại Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố Đà Nẵng, thực hiện niêm yết giá công khai và không được thu cao hơn giá niêm yết.

e) Tăng cường công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán tại đơn vị theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

g) Thực hiện nộp Báo cáo tài chính cho KBNN theo quy định tại Thông tư số 108/2025/TT-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập báo cáo hợp nhất của đơn vị kế toán hành chính, sự nghiệp.

2. Đối với Phòng Văn hóa – Xã hội phường

Đề nghị Phòng Văn hóa – Xã hội phường, trên cơ sở các trường học thuộc thẩm quyền quản lý đã được phê duyệt Kế hoạch vận động tài trợ, thực hiện tổng hợp, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân phường về tình hình vận động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản tài trợ, bảo đảm đúng quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT.

Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thông báo để Trường Mầm non Hoa Ban được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Văn hóa – Xã hội (để phối hợp);
- Lưu: VT, NS.Nuy.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Thị Mỹ Phượng